

24

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ RAU HOA QUẢ VÀ CẢNH QUAN
CHUYÊN NGÀNH 1: SẢN XUẤT VÀ QUẢN LÝ SẢN XUẤT TRONG NHÀ CÓ MÁI CHE
CHUYÊN NGÀNH 2: THIẾT KẾ VÀ TẠO DỰNG CẢNH QUAN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
ML02030: NGUYÊN LÝ QUAN HỆ CÔNG CHÚNG (PRINCIPLE OF PUBLIC RELATION)

I. Thông tin về học phần

- Học kỳ: 07
- Tín chỉ: Tổng số tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 1.6 – Thực hành: 0.4); Tự học: 6
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập: 30 tiết
 - + Học lý thuyết trên lớp: 24 tiết
 - + Thuyết trình và thảo luận trên lớp: 06 tiết
- Tự học: 90
- Đơn vị phụ trách học phần:
 - Bộ môn: Kinh tế chính trị - Chủ nghĩa xã hội khoa học
 - Khoa: Khoa học xã hội
- Là học phần: Tự chọn
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên sâu <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>
		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Học phần học song hành: Không.
- Học phần tiên quyết: Không.
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh Tiếng Việt

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo mà học phần đáp ứng

* Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn thành chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo đánh giá việc thực hiện được chuẩn đầu ra
Kiến thức chung CDR1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, môi trường, xã hội và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào ngành công nghệ RHQ&CQ.	1.3. Áp dụng kiến thức khoa học xã hội và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào ngành công nghệ Rau hoa quả và cảnh quan.
Kỹ năng chung	

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn thành chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo đánh giá việc thực hiện được chuẩn đầu ra
CDR4. Làm việc hiệu quả trong một nhóm mà các thành viên cùng nhau tham gia lãnh đạo nhóm, tạo ra một môi trường hợp tác và hòa nhập, thiết lập mục tiêu, lập kế hoạch nhiệm vụ và đáp ứng các mục tiêu.	4.1. Vận dụng thành thạo kỹ năng lập kế hoạch và quản lý thời gian trong quá trình làm việc nhóm.
CDR5. Giao tiếp hiệu quả với các bên liên quan (ông dân, khách hàng, nhà chuyên môn, nhà quản lý).	5.2. Sử dụng ngôn ngữ phù hợp với bối cảnh giao tiếp học thuật và giao tiếp xã hội.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CDR9. Giữ gìn đạo đức nghề nghiệp, thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường và ứng xử phù hợp với các chuẩn mực đạo đức và tôn trọng đa văn hóa.	9.3. Ứng xử một cách có đạo đức và thể hiện sự tôn trọng đa văn hóa.

III. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

* Mục tiêu:

- Học phần nhằm cung cấp cho người học kiến thức về lĩnh vực khoa học xã hội. Cụ thể là những kiến thức cơ bản của lĩnh vực quan hệ công chúng.
- Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng viết và kỹ năng trả lời phỏng vấn.
- Học phần hình thành cho người học thái độ: Ứng xử một cách có đạo đức và thể hiện sự tôn trọng đa văn hóa.

* Kết quả học tập mong đợi của học phần:

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT			
		1.3	4.1	5.2	9.3
ML02030	Nguyên lý quan hệ công chúng	R	R	R	M

Ký hiệu	KQHTMĐ của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CDR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Trình bày các vấn đề đại cương về quan hệ công chúng; Các kỹ năng của quan hệ công chúng để quản lý hoạt động quan hệ công chúng.	1.3
K2	Trình bày nội dung quản lý quan hệ công chúng chiến lược; những quy định về pháp luật và đạo đức đối với hoạt động quan hệ công chúng.	1.3
Kỹ năng		
K3	Phối hợp các kỹ năng viết, thuyết trình, thương lượng, đàm phán và phỏng vấn trong quan hệ công chúng.	4.1
K4	Sử dụng tốt kiến thức chuyên môn trong giao tiếp và làm bài tập nhóm.	5.2
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		

K5	Vận dụng các tri thức và kỹ năng của quan hệ công chúng để làm tốt công tác tổ chức và quản lý ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; trung thực, tôn trọng pháp luật và các chuẩn mực đạo đức xã hội trong hoạt động quan hệ công chúng.	9.3
----	--	-----

IV. Nội dung tóm tắt của học phần

ML02030. Nguyên lý quan hệ công chúng (Principle of public relation). (2TC: 1.6 – 0.4). Đại cương về quan hệ công chúng; Hoạt động quan hệ công chúng và quan hệ công chúng ứng dụng; sử dụng kỹ năng của quan hệ công chúng; Quản lý quan hệ công chúng; Một số vấn đề pháp luật và đạo đức đặt ra đối với hoạt động quan hệ công chúng.

V. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

KQHTMD PPGD	K1	K2	K3	K4	K5
Thuyết trình	x	x			x
Đàm thoại gợi mở			x	x	
Nghiên cứu tài liệu			x	x	x
Làm việc nhóm			x	x	x

2. Phương pháp học tập

- Nghe giảng.
- Nghiên cứu tài liệu.
- Trả lời câu hỏi, trao đổi, thảo luận.
- Làm việc nhóm

VI. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự đủ số tiết theo quy định, chấp hành đúng nội quy học tập.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc giáo trình và tài liệu tham khảo trước khi lên lớp.
- Thuyết trình và thảo luận: Tất cả sinh viên tham dự học phần này đều phải tham gia làm bài tập nhóm. Mỗi nhóm lựa chọn một chủ đề thuyết trình, thảo luận, xây dựng đề cương và lựa chọn đại diện nhóm trình bày bài thuyết trình trước lớp.
- Thi cuối kì.

VII. Đánh giá và cho điểm

1. **Thang điểm:** 10.

2. **Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric:**

- Rubric 1 - Điểm chuyên cần: 10%.
- Rubric 2 - Thuyết trình, thảo luận: 30%.
- Rubric 3 - Điểm thi cuối kì: 60%.

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 2. Ma trận đánh giá

KQHTMD	K1	K2	K3	K4	K5	Thời gian/tuần học
Đánh giá quá trình (40%)						
Rubric 1. Tham dự lớp (10%)	x	x	x	x	x	Tuần 1-10
Rubric 2. Thuyết trình, thảo luận (30%)			x	x	x	Tuần 8-9
Đánh giá cuối kì (60%)						
Rubric 4. Thi cuối kì (60%)	x	x				Theo lịch thi của Học viện

Rubric 1: Đánh giá tham dự lớp.

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 - 10 điểm (A)	Khá 6.5 - 8.4 điểm (C+, B, B+)	Trung bình 4.0 - 6.4 điểm (D, D+, C)	Kém 0 - 3.9 điểm (F)
Thời gian tham dự	80	Không nghỉ buổi học nào	Nghỉ 01 buổi học	Nghỉ 02 buổi học	Nghỉ 03 buổi học
Thái độ tham dự	20	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/không tham gia

Rubric 2 – Đánh giá thuyết trình, thảo luận

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 - 10 điểm (A)	Khá 6.5 - 8.4 điểm (C+, B, B+)	Trung bình 4.0 - 6.4 điểm (D, D+, C)	Kém 0 - 3.9 điểm (F)
Thái độ tham gia	20	Khơi gợi vấn đề và dẫn dắt cuộc thảo luận	Tham gia thảo luận	Ít tham gia thảo luận	Không tham gia
Kỹ năng thuyết trình	40	Phân tích, đánh giá tốt	Phân tích, đánh giá khá tốt	Phân tích, đánh giá khi tốt, khi chưa tốt	Phân tích, đánh giá chưa tốt
Chất lượng đóng góp ý kiến	40	Sáng tạo, phù hợp	Phù hợp	Có khi phù hợp, có khi chưa phù hợp	Không phù hợp

Rubric 3 – Đánh giá thi cuối kỳ: Thi tự luận

Tiêu chí	Trọng số %	Tốt 8.5 - 10 điểm (A)	Khá 6.5 - 8.4 điểm (C+, B, B+)	Trung bình 4.0 - 6.4 điểm (D, D+, C)	Kém 0 - 3.9 điểm (F)
Phân tích lập luận	50	Đúng ý, đủ ý, rõ ràng theo nội dung môn học	Đúng, thiếu ý trong phân tích	Thiếu ý, có sai sót trong phân tích lập luận	Sai ý và không phân tích lập luận
Dẫn chứng minh họa	40	Có đầy đủ dẫn chứng, đúng ý, sinh động	Có ví dụ, chưa sát ý, thiếu sinh động	Thiếu dẫn chứng minh họa, thiếu sinh động	Không có dẫn chứng minh họa

Trình bày bài	10	Cẩn thận, rõ ràng	Khá cẩn thận, vài chỗ chưa rõ ràng	Tương đối cẩn thận, nhiều chỗ chưa rõ ràng	Cầu thả và chưa rõ ràng
---------------	----	-------------------	------------------------------------	--	-------------------------

Bảng 3. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần

KQHTMĐ	Chỉ báo thực hiện KQHTMĐ
Kiến thức	
K1. Trình bày các vấn đề đại cương về quan hệ công chúng; Các kỹ năng của quan hệ công chúng để quản lý hoạt động quan hệ công chúng.	Chỉ báo 1: So sánh quan hệ công chúng với quảng cáo, marketing, dân vận và tuyên truyền. Chỉ báo 2: Trình bày mối quan hệ giữa nhà báo với nhân viên quan hệ công chúng. Chỉ báo 3: Trình bày nội dung của kỹ năng viết, thuyết trình, đàm phán thương lượng, trả lời phỏng vấn
K2. Trình bày nội dung quản lý quan hệ công chúng chiến lược; những quy định về pháp luật và đạo đức đối với hoạt động quan hệ công chúng.	Chỉ báo 4: Trình bày nội dung lập kế hoạch chiến lược quan hệ công chúng. Chỉ báo 5: Trình bày một số vấn đề pháp luật đặt ra đối với người làm nghề quan hệ công chúng. Trách nhiệm pháp lý pháp của người làm nghề quan hệ công chúng. Chỉ báo 6: Trình bày cơ sở của đạo đức nghề nghiệp quan hệ công chúng. Một số yêu cầu đạo đức đối với nhân viên quan hệ công chúng.

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Tham dự các buổi học trên lớp: Theo quy định của Học viện.

Tham dự các bài thi: Không tham gia thảo luận và làm bài tập nhóm thì không đủ điều kiện dự thi.

VIII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* Sách giáo trình/bài giảng:

1. Nguyễn Đình Toàn (2018). Bài giảng Quan hệ công chúng, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
2. Hoàng Xuân Phương - Nguyễn Thị Ngọc Châu (2017), Phong cách PR chuyên nghiệp, Nhà xuất bản Lao động xã hội, Hà Nội.
3. Lê Văn Hùng (2015). Nguyên lý Quan hệ công chúng, Nhà xuất bản Đại học Nông nghiệp, Hà Nội.

* Tài liệu tham khảo khác:

1. Lê Thị Xuân - Hà Thị Yến (2018). Việc làm bền vững: Tiếp cận từ góc độ sự hài lòng của người lao động nông thôn sau đào tạo nghề. Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái bình dương.
2. Lê Thị Bùng – Nguyễn Thị Vân Hương (2016), Những điều kỳ diệu về tâm lí con người, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội.
3. Đinh Thị Thúy Hằng (2008). PR Lý luận và Ứng dụng. Nhà xuất bản Lao Động – Xã hội, Hà Nội.

IX. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ
------	----------	--------

		của học phần
	Chương 1: Đại cương về quan hệ công chúng	
1,2	A/Các nội dung chính trên lớp: (6 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 1.1. Công chúng và quan hệ công chúng 1.1.1. Khái niệm công chúng 1.1.2. Khái niệm và chức năng của quan hệ công chúng 1.1.3. Quan hệ công chúng với quảng cáo, marketing, dân vận và truyền truyền 1.2. Lý luận giao tiếp – Cơ sở lý luận của quan hệ công chúng 1.2.1. Giao tiếp, chức năng và các loại hình giao tiếp 1.2.2. Quá trình giao tiếp	K1, K2, K3, K4, K5
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết) 1.3. Khái lược lịch sử phát triển của quan hệ công chúng 1.3.1. Sự hình thành và phát triển của quan hệ công chúng gắn liền với sự phát triển của xã hội loài người 1.3.2. Sự phát triển của quan hệ công chúng hiện đại 1.3.3. Sự hình thành và phát triển của ngành quan hệ công chúng ở Việt Nam	K4, K5
	Chương 2: Hoạt động quan hệ công chúng và quan hệ công chúng ứng dụng	
3,4	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (6 tiết) Nội dung GD lý thuyết:(4 tiết) 2.1. Hoạt động quan hệ công chúng 2.1.1. Quan hệ công chúng với báo chí 2.1.2. Quan hệ công chúng nội bộ 2.1.3. Quan hệ công chúng cộng đồng 2.2. Quan hệ công chúng ứng dụng 2.2.1. Quan hệ công chúng trong chính phủ 2.2.2. Quan hệ công chúng trong doanh nghiệp Nội dung thuyết trình/thảo luận: (2 tiết) - Quan hệ công chúng trong tập đoàn TH true milk hiện nay - Công tác dân vận của Đảng ta trong cách mạng Việt Nam	K1, K2, K3, K4, K5
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết) 2.1.4. Quan hệ công chúng trong vận động hành lang 2.2.3. Quan hệ công chúng trong các tổ chức phi chính phủ	K4, K5
5,6,7,8	Chương 3: Sử dụng kỹ năng trong quan hệ công chúng	
	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (10 tiết) Nội dung GD lý thuyết:(6 tiết) 3.1. Kỹ năng của quan hệ công chúng 3.1.1. Thế nào là viết cho quan hệ công chúng 3.1.2. Các dạng thức viết của quan hệ công chúng 3.1.3. Văn phong viết cho quan hệ công chúng	K1, K2, K3, K4, K5

	<p>3.1.4. Lập kế hoạch nghiên cứu và viết cho quan hệ công chúng</p> <p>3.1.5. Những yêu cầu của kỹ năng viết cho quan hệ công chúng</p> <p>3.2. Kỹ năng thuyết trình</p> <p>3.2.1. Giai đoạn chuẩn bị thuyết trình</p> <p>3.2.2. Giai đoạn thuyết trình thử</p> <p>3.2.3. Giai đoạn tiến hành thuyết trình</p> <p>3.3. Kỹ năng đàm phán, thương lượng</p> <p>3.3.1. Giai đoạn chuẩn bị</p> <p>3.3.2. Giai đoạn gặp gỡ, tiếp xúc với đối phương</p> <p>3.3.3. Giai đoạn tiến hành thương lượng, đàm phán</p> <p>3.3.4. Một số kỹ thuật trong đàm phán, thương lượng</p> <p>3.3.5. Những bí quyết đàm phán, thương lượng thành công</p> <p>Nội dung thuyết trình/thảo luận: (4 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn một chủ đề thuyết trình - Lựa chọn một chủ đề để thực đàm phán, thương lượng - Lựa chọn một cuộc trả lời phỏng vấn trên báo chí và chỉ ra các lỗi thường gặp trong trả lời phỏng vấn 	
	<p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (30 tiết)</p> <p>3.4. Kỹ năng trả lời phỏng vấn</p> <p>3.4.1. Nguyên tắc phỏng vấn</p> <p>3.4.2. Chuẩn bị trả lời phỏng vấn</p> <p>3.4.3. Trả lời phỏng vấn</p> <p>3.4.4. Một số lỗi thường gặp trong phỏng vấn</p>	K4, K5
	<p>Chương 4: Quản lý quan hệ công chúng</p>	
8,9	<p>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (5 tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết:</p> <p>4.1. Quản lý quan hệ công chúng chiến lược</p> <p>4.1.1. Lập kế hoạch chiến lược</p> <p>4.1.2. Một số vấn đề quản lý quan hệ công chúng chiến lược</p> <p>4.2. Khủng hoảng và quản lý khủng hoảng</p> <p>4.2.1. Một số vấn đề chung về khủng hoảng</p>	K1, K2, K3, K4, K5
	<p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 tiết)</p> <p>4.2.2. Quản lý truyền thông trong khủng hoảng</p>	K1, K5
	<p>Chương 5: Một số vấn đề pháp luật và đạo đức đặt ra đối với hoạt động quan hệ công chúng</p>	
10	<p>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết:</p> <p>5.1. Một số vấn đề pháp luật đặt ra đối với nghề quan hệ công chúng</p> <p>5.1.1. Một số vấn đề pháp luật đặt ra đối với nhân viên quan hệ công chúng</p> <p>5.1.2. Sự cần thiết phải hiểu biết pháp luật của nhân viên quan hệ công chúng</p> <p>5.1.5. Trách nhiệm pháp lý của người làm nghề quan hệ công chúng</p> <p>5.2. Một số vấn đề đạo đức đặt ra đối với nhân viên quan hệ công chúng</p>	K1, K2, K3, K4, K5

5.2.1. Cơ sở của đạo đức nghề nghiệp	
5.2.2. Một số yêu cầu đạo đức đặt ra đối với nhân viên quan hệ công chúng	
B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết)	K1, K5
5.1.3. Vấn đề xúc phạm danh dự và quyền riêng tư	
5.1.4. Vấn đề bóp méo sự thật	

X. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học, thực hành: Phải đảm bảo đủ chỗ ngồi cho sinh viên và cung cấp đầy đủ thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, máy vi tính.
- Các phương tiện khác: Loa, mic...

P. TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trương Thị Thu Hạnh

P. TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



ThS. Nguyễn Thị Thu Hà

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Hà Thị Yến

PG. GIÁM ĐỐC

(Kí và ghi rõ họ tên)



PG. GIÁM ĐỐC
GS.TS. Phạm Văn Cường

PHỤ LỤC

THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Lê Văn Hùng	Học hàm, học vị: Tiến sỹ
Địa chỉ cơ quan: Phòng 325 – Nhà Hành chính - Học viện Nông nghiệp Việt Nam.	Điện thoại liên hệ: 0978.020.006
Email: levanhungdhnn@gmail.com	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/xahoi
Cách liên lạc với giảng viên: Qua email.	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Hà Thị Yến	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: Phòng 318 – Nhà Hành chính - Học viện Nông nghiệp Việt Nam.	Điện thoại liên hệ: 0986.252.438
Email: hathiyen281@gmail.com	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/xahoi
Cách liên lạc với giảng viên: Qua email.	

CÁC LẦN CẢI TIẾN ĐỀ CƯƠNG:

- Lần 1: 7/ 2018: Cập nhật tài liệu tham khảo
- Lần 2: 7/ 2019: Bổ sung kết quả nghiên cứu của giảng viên
- Lần 3: 7/ 2020: Bổ sung phương pháp giảng dạy
- Lần 4: 7/ 2021: Thay đổi rubric đánh giá

BẢNG TÓM TẮT TƯƠNG THÍCH GIỮA KQHTMĐ, DẠY- HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ

KQHTMĐ	K1	K2	K3	K4	K5
DẠY VÀ HỌC					
Thuyết trình	x	x			x
Đàm thoại gợi mở			x	x	
Nghiên cứu tài liệu			x	x	x
Làm việc nhóm			x	x	x
ĐÁNH GIÁ					
Rubric 1. Tham dự lớp	x	x	x	x	x
Rubric 2. Thuyết trình, thảo luận			x	x	x
Rubric 3. Thi cuối kì	x	x			

